

Ngày 30/09/2025	35,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	8.8%	21.1%	23.6%

	Q3/25	
ROE	9.5%	+/- YoY ▲ 0.5%

	Q3/25		
DT thuần	249	QoQ ▲ 8.00	YoY ▲ 78.0
		▲ 3.2%	▲ 45.4%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	667	YoY ▲ 224
		▲ 50.5%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	44.9	QoQ ▼ 1.40	YoY ▲ 12.8
		▼ 3.1%	▲ 39.8%
	tỷ VNĐ		

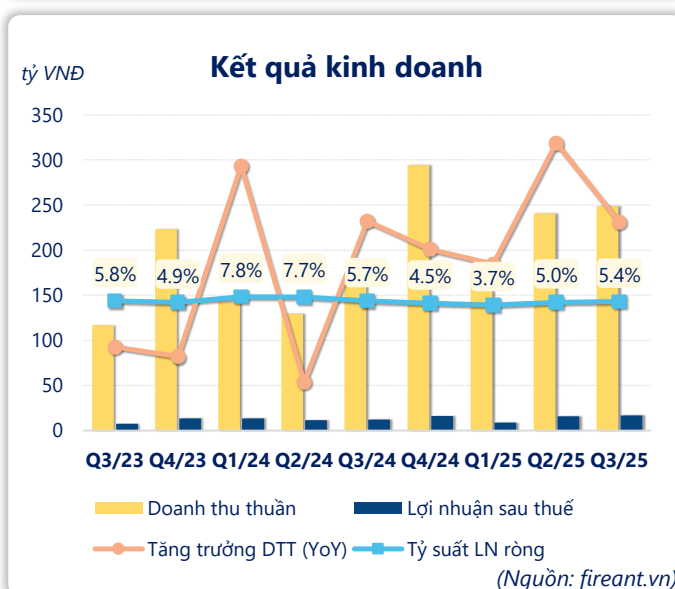
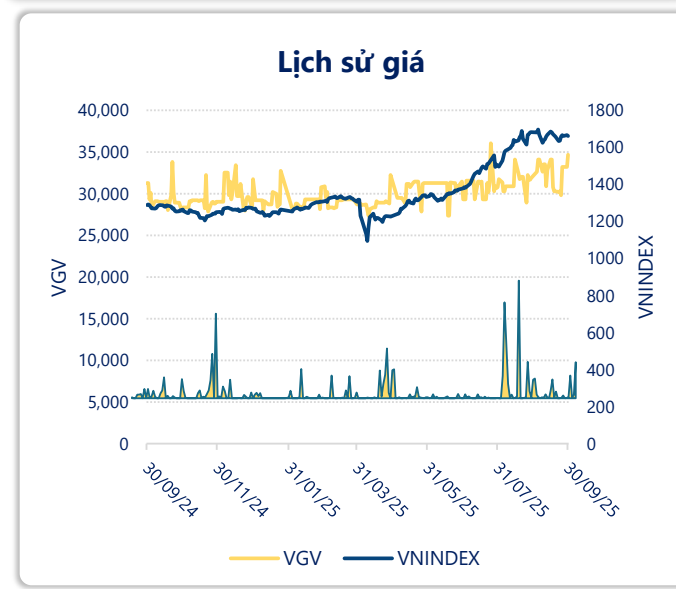
	9T 2025	
LN gộp	125	YoY ▲ 35.3
		▲ 39.4%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	20.8	QoQ ▲ 1.70	YoY ▲ 5.30
		▲ 8.8%	▲ 34.1%
	tỷ VNĐ		

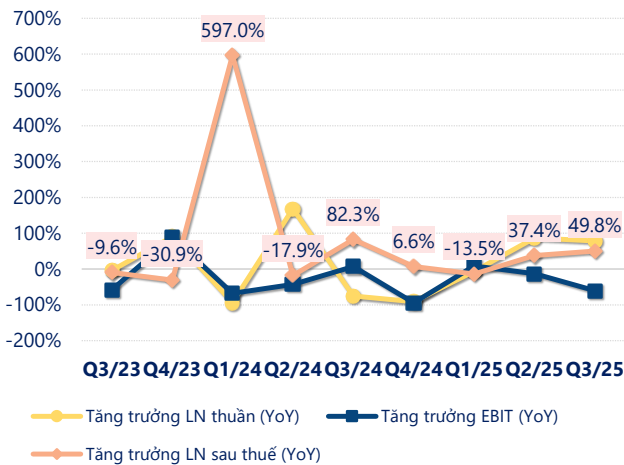
	9T 2025	
LN thuần	50.8	YoY ▲ 5.10
		▲ 11.2%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	16.8	QoQ ▲ 0.90	YoY ▲ 4.70
		▲ 5.6%	▲ 38.8%
	tỷ VNĐ		

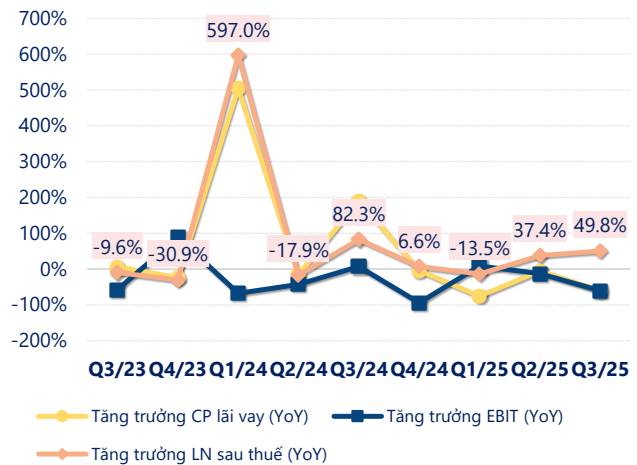
	9T 2025	
LN sau thuế	41.4	YoY ▲ 4.20
		▲ 11.3%
	tỷ VNĐ	



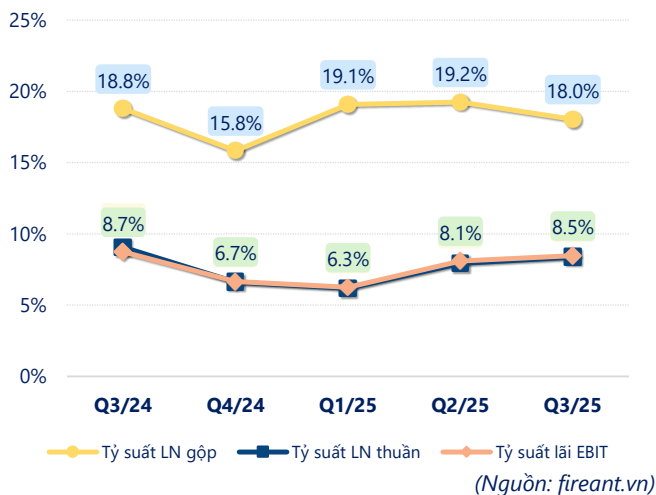
Tăng trưởng lợi nhuận



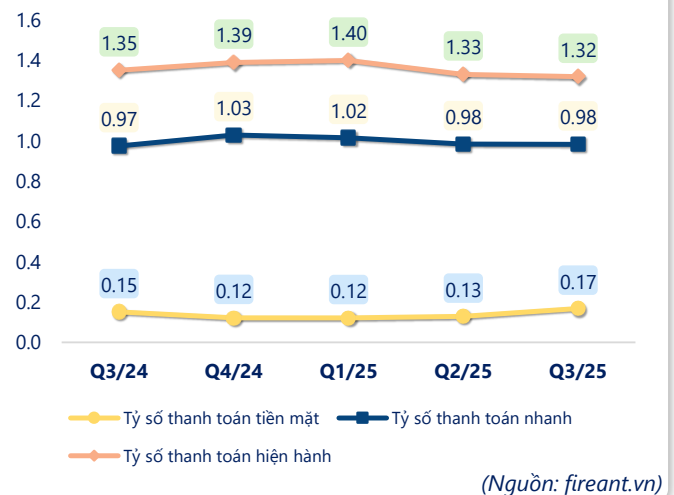
Tăng trưởng chi phí



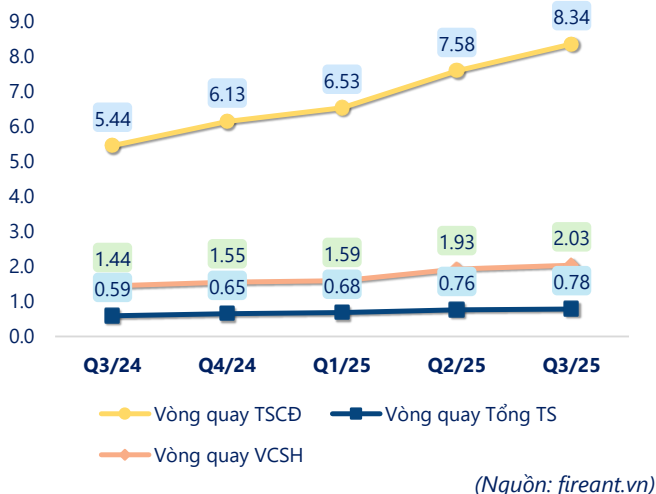
Tỷ suất lợi nhuận



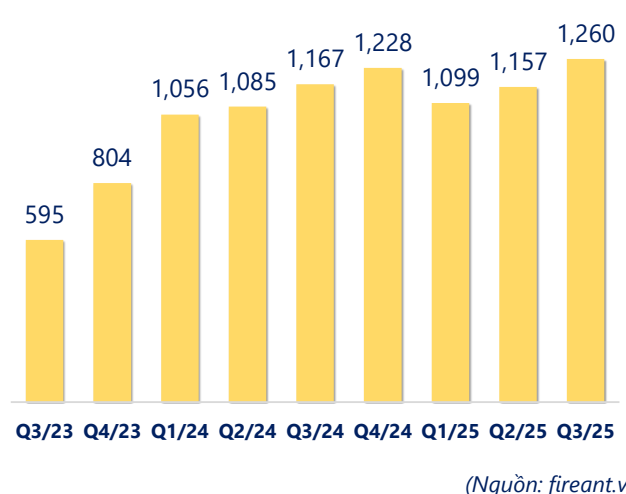
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	249	171	45.4%	667	443	50.5%
Giá vốn hàng bán	204	139	46.6%	542	353	53.4%
Lợi nhuận gộp	44.9	32.1	39.8%	125	89.7	39.4%
Doanh thu HĐTC	3.52	2.97	18.5%	17.0	17.7	-3.6%
Chi phí TC	0.14	0.08	74.3%	1.46	0.21	596%
Chi phí lãi vay	0.14	0.05	179%	0.61	0.19	232%
LN trong công ty LKLD	0.79	2.00	-60.5%	-4.56	0.36	-1379%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0.00	-100%
Chi phí QLDN	28.3	21.5	31.4%	85.2	61.8	37.9%
LN thuần từ HĐKD	20.8	15.5	34.1%	50.8	45.7	11.2%
Lợi nhuận khác	0.15	-0.61	125%	0.22	-0.82	127%
LN trước thuế	20.9	14.9	40.5%	51.1	44.9	13.7%
Lợi nhuận sau thuế	16.8	12.1	38.8%	41.4	37.2	11.3%
LNST của CĐ cty mẹ	13.3	9.67	38.0%	31.9	30.8	3.8%

(Nguồn: fireant.vn)

